

Bản án số: **31/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 6 - 2018

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

Bà **Nguyễn Thị Luận**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày **15 tháng 6 năm 2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*Hôn nhân và Gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **PTT**, sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã H, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Hiện cư trú tại: thôn Q, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. **Có mặt.**

Bị đơn: Ông **NBT1**, sinh năm 1969;

HKTT và nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2018, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà PTT trình bày:**

Về hôn nhân: Bà PTT và Ông NBT1 kết hôn năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/7/1991 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là Thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà Ông NBT1. Đến năm 1995 thì vợ chồng đến thôn Q, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ở từ đó cho đến nay. Theo bà T thì giữa bà T và ông T1 có mâu thuẫn ngay từ sau khi cưới do ông T1 hay uống rượu và thường xuyên đánh đập bà nhiều lần ngay từ sau khi kết hôn, lần gần đây nhất là vào ngày

08/3/2018. Giữa bà và Ông NBT1 đã ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và bà xin được ly hôn với Ông NBT1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà PTT và Ông NBT1 có 04 con chung là NBT2 sinh ngày 20/8/1993; NBD sinh ngày 02/10/1996; NTH sinh ngày 16/5/2001; NBH1 sinh ngày 25/7/2011. Các cháu NBT2, NBD đều đã trưởng thành, đã đi làm và có thu nhập tự nuôi sống bản thân. Cháu H tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng cháu cũng đã đi làm và có thu nhập. Ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi cháu út là cháu NBH1 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Bà PTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Ông NBT1 trình bày:**

Về hôn nhân: Ông NBT1 xác nhận lời khai của Bà PTT về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi chung sống sau khi kết hôn như Bà PTT trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo Ông NBT1 trong cuộc sống chung giữa ông và Bà PTT có những lúc xô bắt, xô đũa và cãi nhau nhưng không lớn. Ngày 08/3/2018 thì giữa ông T1 và bà T có xảy ra xô xát do bà T đập điện thoại của ông T1 và đập hũ rượu của ông T1. Nay bà T xin ly hôn ông T1 có quan điểm là ông và bà T đã có với nhau 04 con chung, tuổi cả hai đều đã cao nên ông T1 muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu bà T cương quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông NBT1 xác nhận vợ chồng có 04 con chung là NBT2 sinh ngày 20/8/1993; NBD sinh ngày 02/10/1996; NTH sinh ngày 16/5/2001; NBH1 sinh ngày 25/7/2011. Các cháu T, D đều đã trưởng thành, đã đi làm. Cháu H đang đi học lớp 11. Ông T1 không muốn ly hôn nên không đặt ra vấn đề chia con chung nhưng nếu phải ly hôn thì ông T1 có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung chưa trưởng thành là cháu NTH và NBH1, nếu phải chia con thì ông T1 xin được nuôi dưỡng cháu NTH và không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông NBT1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bà PTT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông T1; bị đơn Ông NBT1 giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – bà T và Bị đơn – ông T1 đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà PTT và cho Bà PTT được ly hôn Ông NBT1; Về con chung: Giao cháu NTH sinh ngày 16/5/2001 cho Ông NBT1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác; giao cháu NBH1 sinh ngày

25/7/2011 cho Bà PTT nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác. Ông NBT1, Bà PTT có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho Ông NBT1, Bà PTT cho đến khi các bên có yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông NBT1 hiện thường xuyên cư trú tại thôn Q, xã H, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà PTT và Ông NBT1 kết hôn năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là Thành phố Hà Nội) nên hôn nhân giữa Bà PTT và Ông NBT1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà T và ông T1 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mỗi lần mâu thuẫn bà T và ông T1 đều to tiếng với nhau và có xô xát, lần gần đây nhất là ngày 08/3/2018. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà PTT và cho Bà PTT được ly hôn Ông NBT1 để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Bà PTT và Ông NBT1 có 04 con chung là NBT2 sinh ngày 20/8/1993; NBD sinh ngày 02/10/1996; NTH sinh ngày 16/5/2001; NBH1 sinh ngày 25/7/2011. Bà PTT và Ông NBT1 đều công nhận con chung NBT2, NBD đều đã trưởng thành, không bị khuyết tật, dị tật gì, đều đã đi làm và có khả năng tự nuôi sống bản thân. Con chung là cháu NTH sinh ngày 16/5/2001; NBH1 sinh ngày 25/7/2011 đều chưa trưởng thành. Ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi Cháu H1, ông T1 có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Cháu NBH1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ là Bà PTT, cháu NTH không muốn bố mẹ ly hôn nhưng nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được Ông NBT1 nuôi dưỡng. Xét yêu cầu xin nuôi con của bà T, ông T1 và nguyện vọng của Cháu H và Cháu H1 thì thấy: Bà T, ông T1 đều có điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho bà T, ông T1 mỗi người nuôi 01 con chung theo nguyện vọng của các cháu. Giao cháu NBH1 cho Bà PTT và giao cháu cháu NTH cho Ông NBT1 chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà PTT, Ông NBT1 đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Bà PTT và Ông NBT1 cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Bà PTT, Ông NBT1 đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà PTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Bà PTT được ly hôn Ông NBT1.

2. Về con chung: Bà PTT và Ông NBT1 có 04 con chung là NBT2 sinh ngày 20/8/1993; NBD sinh ngày 02/10/1996; NTH sinh ngày 16/5/2001; NBH1 sinh ngày 25/7/2011.

+ Giao cháu NBH1 sinh ngày 25/7/2011 cho Bà PTT nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

+ Giao cháu NTH sinh ngày 16/5/2001 cho Ông NBT1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Bà PTT, Ông NBT1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Bà PTT và Ông NBT1 cho đến khi các bên có yêu cầu.

3. Về tài sản, công nợ, công sức: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà PTT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Bà PTT đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003324 ngày 05 tháng 4 năm 2018*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Bà PTT và Ông NBT1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Trọng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**